

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

In the Guardianship of:
Trong Quyền Giám Hộ:

Respondent/s (minors/children)
(Các) Bị Đơn (trẻ vị thành niên/trẻ em)

No. _____
Số _____

Minor Guardianship Petition
Đơn Xin Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên

(PTAPMG)
(PTAPMG)

[] Clerk's action required: 6, 12
Việc lục sự cần làm: 6, 12

[] No Fee 26
Không Phí 26

Minor Guardianship Petition
Đơn Xin Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên

Use this form to appoint a guardian by agreement, or if no parent is willing or able to provide for the support, care, education, health, safety, and welfare of a child under age 18 (exercise the parenting functions in RCW 26.09.004). A child or an interested party may file the petition. Use this form together with:

Sử dụng mẫu đơn này để chỉ định người giám hộ theo thỏa thuận hoặc nếu không có cha/mẹ nào sẵn lòng hoặc có khả năng cấp dưỡng, chăm sóc, giáo dục, sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho trẻ dưới 18 tuổi (thực hiện chức năng nuôi dưỡng con theo RCW 26.09.004). Một trẻ hoặc đương sự liên quan có thể nộp đơn xin. Sử dụng mẫu đơn này cùng với:

- Notice of Hearing for Minor Guardianship Petition (form GDN M 101)
Thông Báo Phiên Xét Xử Về Đơn Xin Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên (mẫu đơn GDN M 101)
- Summons (form GDN M 001)
Lệnh Triệu Tập (mẫu đơn GDN M 001)
- Reasons for Minor Guardianship (form GDN M 103)
Lý Do Về Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên (mẫu đơn GDN M 103)
- Criminal History Cover Sheet (form GDN M 407)
Phiếu Lý Lịch Tư Pháp (mẫu đơn GDN M 407)
- Motion and Order to DCYF to Release CPS Information (forms GDN M 404 and GDN M 405).

Kiến Nghị và Lệnh gửi đến DCYF để Công Bố Thông Tin CPS (mẫu đơn GDN M 404 và GDN M 405).

- Confidential Information (form GDN M 410)
Thông Tin Mật (mẫu đơn GDN M 410)

If needed:

Nếu cần:

- Motion for Emergency Minor Guardianship and Restraining Order (form GDN M 206)
Kiến Nghị Quyền Giám Hộ Khẩn Cấp Đối Với Trẻ Vị Thành Niên và Lệnh Cấm (mẫu đơn GDN M 206)

OR

HOẶC

- Motion for Immediate Order (Ex Parte) – Emergency Minor Guardianship and Restraining Order (form GDN M 204)
Kiến Nghị Lệnh Thực Hiện Ngay (Đơn Phương) – Quyền Giám Hộ Khẩn Cấp Đối Với Trẻ Vị Thành Niên và Lệnh Cấm (mẫu đơn GDN M 204)

1. Children

Các trẻ

I ask the court to appoint a guardian for the following children (under age 18) who have the same legal parents:

Tôi yêu cầu tòa án chỉ định một người giám hộ cho các trẻ sau đây (dưới 18 tuổi) có cùng cha mẹ hợp pháp:

Child's Name Tên Trẻ	Age Tuổi	Child's Name Tên Trẻ	Age Tuổi
1.		2.	
3.		4.	

Important! Do not list more than one child unless they all have the same parents. If they have different parents, fill out a separate Petition for each child.

Quan Trọng! Không liệt kê nhiều hơn một trẻ trừ khi tất cả các trẻ đều có cùng cha mẹ. Nếu các trẻ có cha mẹ khác nhau, hãy điền Đơn Xin riêng cho mỗi trẻ.

County – I am filing in this county because (check all that apply):

Quận – Tôi sẽ nộp đơn trong quận này bởi vì (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

[] the children live here or are present in this county now.

các trẻ sống ở đây hoặc có mặt trong quận này hiện nay.

[] there is another case involving custody or parental rights already in progress here.

có một vụ án khác liên quan đến quyền nuôi con hoặc quyền làm cha mẹ đang được tiến hành ở đây.

Lawyer for children – The children (check one):

Luật sư cho các trẻ – Các trẻ (đánh dấu một mục):

[] do **not** have a lawyer.

không có luật sư.

[] are represented by (lawyer's name): _____

được đại diện bởi (tên luật sư):

Lawyer's address: _____

Địa chỉ luật sư:

2. Petitioner/s
(Các) Nguyên Đơn

My name is: _____
Tôi tên là: _____

☐ I am the child seeking a guardian.
Tôi là trẻ đang tìm kiếm một người giám hộ.

☐ I am interested in the welfare of the children. My relationship to the children in this case: _____
Tôi quan tâm đến phúc lợi các trẻ. Mối quan hệ của tôi với các trẻ trong vụ án này: _____

My home address (principal residence): _____
Địa chỉ nhà của tôi (nơi cư trú chính): _____

My street address (if different): _____
Đường phố của tôi (nếu khác): _____

☐ **Co-Petitioner** (If there is another Petitioner in this case)
Đồng Nguyên Đơn (Nếu có một Nguyên Đơn khác trong vụ án này)

My name is: _____
Tôi tên là: _____

☐ I am interested in the welfare of the children. My relationship to the children in this case: _____
Tôi quan tâm đến phúc lợi các trẻ. Mối quan hệ của tôi với các trẻ trong vụ án này: _____

My home address (principal residence): _____
Địa chỉ nhà của tôi (nơi cư trú chính): _____

My street address (if different): _____
Đường phố của tôi (nếu khác): _____

3. Who should be guardian?
Ai nên là người giám hộ?

☐ I ask the court to appoint me (and any Co-Petitioner) guardian of the children.
Tôi yêu cầu tòa án chỉ định tôi (và bất kỳ Đồng Nguyên Đơn nào) làm người giám hộ các trẻ.

☐ I ask the court to appoint (name/s): _____
guardian of the children.
Tôi yêu cầu tòa án chỉ định ((các) tên): _____
người giám hộ các trẻ.

Proposed guardian's address: _____
Địa chỉ người giám hộ được đề xuất: _____

4. Lay Guardian Training **Khóa Huấn Luyện Người Giám Hộ Không Chuyên**

Complete lay guardian training at
<https://www.courts.wa.gov/guardianportal/index.cfm?fa=guardianportal.title11minor>
Hoàn tất khóa huấn luyện người giám hộ không chuyên tại
<https://www.courts.wa.gov/guardianportal/index.cfm?fa=guardianportal.title11minor>

The proposed guardian:
Người giám hộ được đề xuất:

- [] has completed the lay guardian training.
đã hoàn tất khóa huấn luyện người giám hộ không chuyên.
- [] will complete the lay guardian training before the final order is entered.
sẽ hoàn tất khóa huấn luyện người giám hộ không chuyên trước khi đưa ra lệnh cuối cùng.

5. Why is a guardian needed? **Vì sao cần có người giám hộ?**

Important! You must complete the Reasons for Minor Guardianship, form GDN M 103.
Quan Trọng! Quý vị phải hoàn tất Lý Do Về Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên, mẫu đơn GDN M 103.

- [] **Agreement** – The children's parents all consent, after being fully informed of the nature and consequences of guardianship. (A parent can sign the Parent's Consent to Minor Guardianship, form GDN M 304, to show consent.)
Thỏa Thuận – Tất cả cha mẹ của các trẻ đều đồng ý, sau khi được thông báo đầy đủ về bản chất và kết quả của quyền giám hộ. (Cha/mẹ có thể ký mẫu đơn Đồng Ý Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên Của Cha/Mẹ, mẫu đơn GDN M 304, để thể hiện sự đồng ý.)
- [] **Termination** – Any parent's rights have been terminated.
Chấm Dứt – Mọi quyền của cha/mẹ đã bị chấm dứt.
- [] **Need** – No parent is willing or able to provide for the support, care, education, health, safety, and welfare of a child under age 18 (exercise the parenting functions in RCW 26.09.004).
Nhu Cầu – Không có cha/mẹ nào sẵn lòng hoặc có khả năng cấp dưỡng, chăm sóc, giáo dục, sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho trẻ dưới 18 tuổi (thực hiện chức năng nuôi dưỡng con theo RCW 26.09.004).

It is in the children's best interest to appoint a guardian.
Việc chỉ định người giám hộ sẽ mang lại lợi ích tốt nhất cho các trẻ.

6. Is there an emergency guardian? **Có người giám hộ khẩn cấp không?**

- [] No emergency guardian has been appointed.
Không có người giám hộ khẩn cấp nào đã được chỉ định.

Important! To get an order **now**, you must file a motion. GDN M 204 Motion for Immediate Order or GDN M 206 Motion to Appoint an Emergency Minor Guardian.

Quan Trọng! Để nhận được lệnh **ngay bây giờ**, quý vị phải nộp đơn kiến nghị. GDN M 204 Kiến Nghị Lệnh Thực Hiện Ngay hoặc GDN M 206 Kiến Nghị Chỉ Định Người Giám Hộ Khẩn Cấp Đối Với Trẻ Vị Thành Niên.

- [] An *Emergency Minor Guardianship Petition* has already been filed in this county.
Đơn Xin Quyền Giám Hộ Khẩn Cấp Đối Với Trẻ Vị Thành Niên đã được nộp ở quận này.

Case number: _____

Vụ án số: _____

Clerk's action required. Relate (link) the emergency guardianship case with this case.
Việc lục sự cần làm. Liên quan (liên kết) vụ án quyền giám hộ khẩn cấp với vụ án này.

People

Mọi người

7. Parents

Cha mẹ

The children's legal parents are listed below:

Cha mẹ hợp pháp của các trẻ được liệt kê dưới đây:

Parent 1 (Name): _____

Cha/mẹ 1 (Tên): _____

- [] Parent 1 is deceased.

Cha/mẹ 1 đã qua đời.

- [] Parent 1's parental rights have been terminated.

Các quyền nuôi dưỡng con của cha/mẹ 1 đã được chấm dứt.

- [] Parent 1 has a lawyer.

Cha/mẹ 1 có một luật sư.

Lawyer's name: _____

Tên luật sư: _____

Lawyer's address: _____

Địa chỉ luật sư: _____

Parent 2 (Name): _____

Cha/mẹ 2 (Tên): _____

- [] Parent 2 is deceased.

Cha/mẹ 2 đã qua đời.

- [] Parent 2's parental rights have been terminated.

Các quyền nuôi dưỡng con của cha/mẹ 2 đã được chấm dứt.

- [] Parent 2 has a lawyer.

Cha/mẹ 2 có một luật sư.

Lawyer's name: _____

Tên luật sư: _____

Lawyer's address: _____

Địa chỉ luật sư: _____

8. **Who must be personally served?**

Ai phải được tổng đạt riêng?

I will have a copy of this *Petition*, the *Summons*, the *Notice of Hearing for Minor Guardianship Petition*, and the *Reasons for Minor Guardianship* **personally served** on the parents and anyone who fits one of the categories below. (*Check all that apply*):

Tôi sẽ có một bản sao Đơn Xin này, Lệnh Triệu Tập, Thông Báo Phiên Điều Trần Về Đơn Xin Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên và Lý Do Về Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên **được tổng đạt riêng** đến cha mẹ và bất kỳ người nào phù hợp với một trong những diện dưới đây. (Đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- ☐ There is no parent. This is the adult nearest in kinship who I could find with reasonable effort (due diligence).

(Name): _____

Không có cha/mẹ. Đây là người lớn gần nhất có quan hệ họ hàng mà tôi có thể tìm thấy với nỗ lực hợp lý (sự thẩm định chuyên sâu).

(Tên): _____

- ☐ Someone other than a parent has court-ordered custody or guardianship.

Người nào đó không phải là cha/mẹ có quyền giám hộ hoặc nuôi con theo lệnh tòa.

(Name): _____

(Tên): _____

- ☐ One or more of the children is age 12 or older.

(Name/s): _____

Một hoặc nhiều trẻ từ 12 tuổi trở lên.

((Các) Tên): _____

- ☐ None of the above.

Không có mục nào trên đây.

9. **Who else must be given notice?**

Người nào khác phải được thông báo?

Important! If there is a good reason **not** to notify any of the people in this section, the Petitioner may ask the court's permission to waive notice.

Quan Trọng! Nếu có lý do chính đáng để **không** thông báo cho bất kỳ người nào trong mục này, Nguyên Đơn có thể yêu cầu tòa án cho phép bãi miễn thông báo.

Unless I get the court's permission not to, I will give a copy of this *Petition* and the *Notice of Hearing for Minor Guardianship Petition* to anyone who fits one of the categories below. This can be done by mail or some other way likely to give notice. (*Check all that apply*):

Trừ khi tôi được tòa án cho phép không thông báo, tôi sẽ cung cấp một bản sao Đơn Xin này và Thông Báo Phiên Điều Trần Về Đơn Xin Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên cho bất kỳ người nào phù hợp với một trong những diện dưới đây. Có thể thực hiện việc này bằng cách gửi thư hoặc một số cách khác có khả năng cung cấp thông báo. (Đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- ☐ Someone else has primary care and custody of the child (other than a guardian or court-ordered custodian listed above).

(Name): _____

Người nào khác có quyền chăm sóc và nuôi con chính đối với trẻ (ngoài người giám hộ hoặc người nuôi con theo lệnh tòa được liệt kê trên đây).

(Tên):

- [] Someone else had primary care and custody of the child for at least 60 days during the last 2 years, or for at least 2 of the last 5 years.

(Name): _____

Người nào khác đã chăm sóc và nuôi con chính đối với trẻ ít nhất 60 ngày trong 2 năm qua, hoặc ít nhất 2 trong 5 năm qua.

(Tên):

- [] A child, age 12 or older, asked for someone to serve as guardian.

(Proposed guardian's name): _____

Một trẻ, từ 12 tuổi trở lên, đã yêu cầu người nào đó làm người giám hộ.

(Tên người giám hộ được đề xuất):

- [] A parent asked or nominated for someone to serve as guardian.

(Proposed guardian's name): _____

Cha/mẹ đã yêu cầu hoặc chỉ định người nào đó làm người giám hộ.

(Tên người giám hộ được đề xuất):

- [] The children have a conservator.

(Conservator's name): _____

Các trẻ có người bảo hộ.

(Tên người bảo hộ):

- [] The children have these grandparents, that I know of.

(Name/s): _____

Các trẻ có ông bà này, mà tôi biết.

((Các) Tên):

- [] The children have these adult sibling/s, that I know of.

(Name/s): _____

Các trẻ có anh chị em ruột trưởng thành này, mà tôi biết.

((Các) Tên):

- [] None of the above.

Không có mục nào trên đây.

10. Who do the children live with now?

Hiện nay, các trẻ sống với ai?

Currently, the children live with:

Hiện tại, các trẻ sống với:

- [] the proposed guardian.

người giám hộ được đề xuất.

[] (Name/s): _____

((Các) Tên):

If this petition is approved, the children would live with the guardian.

Nếu đơn xin này được chấp thuận, các trẻ sẽ sống với người giám hộ.

11. Addresses Attached to Notice of Hearing
Địa Chỉ Được Kèm Theo Thông Báo Phiên Xét Xử

I have included addresses for the people in sections 7 through 10, if known, on the *Notice of Hearing for Minor Guardianship Petition* and *Notice Attachment: List of People to be Served or Given Notice*. The *Notice* and *Attachment* are made part of this petition (incorporated by reference).

Tôi đã đưa địa chỉ của mọi người vào mục 7 đến 10, nếu biết, trong Thông Báo Phiên Xét Xử Về Đơn Xin Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên và Phụ Lục Thông Báo: Liệt Kê Những Người Được Tổng Đạt hoặc Được Gửi Thông Báo. Thông Báo và Phụ Lục này là một phần kiến nghị này (được đưa vào bằng cách tham chiếu).

12. Does anyone need an interpreter or other communication support?
Có ai cần phiên dịch viên hoặc hỗ trợ giao tiếp khác không?

☐ No.
Không.

☐ Yes. The following people need an interpreter, translator, or other form of support to communicate effectively with the court or understand court proceedings:

Có. Những người sau đây cần phiên dịch viên, biên dịch viên hoặc hình thức hỗ trợ khác để giao tiếp hiệu quả với tòa án hoặc hiểu được các thủ tục tố tụng của tòa án:

Name Tên	Language or type of support needed Ngôn ngữ hoặc hình thức hỗ trợ cần thiết

Clerk's action required. Note interpreter or communication support needs in the case management system.

Việc lục sự cần làm. Lưu ý nhu cầu hỗ trợ phiên dịch viên hoặc giao tiếp trong hệ thống quản lý vụ án.

➤ **Jurisdiction**
Thẩm Quyền

13. Personal Jurisdiction Over Parents
Thẩm Quyền Cá Nhân Đối Với Cha Mẹ

Fill out below to say if a Washington State court has personal jurisdiction (authority to make decisions) over each parent.

Điền vào dưới đây để cho biết xem tòa án Tiểu Bang Washington có thẩm quyền cá nhân (thẩm quyền ra quyết định) đối với cha/mẹ hay không.

Basis for Personal Jurisdiction (check all that apply): Cơ Sở Cho Thẩm Quyền Cá Nhân (đánh dấu tất cả mục thích hợp):	Parent 1 Name: Tên cha/mẹ 1:	Parent 2 Name: Tên cha/mẹ 2:
Will be served in Washington Sẽ được tổng đạt ở Washington	☐	☐
Lives in Washington now Sống ở Washington hiện nay	☐	☐

Basis for Personal Jurisdiction (check all that apply): Cơ Sở Cho Thẩm Quyền Cá Nhân (đánh dấu tất cả mục thích hợp):	Parent 1 Name: Tên cha/mẹ 1:	Parent 2 Name: Tên cha/mẹ 2:
Lived in Washington with child Đã sống ở Washington với trẻ	[]	[]
Lived in Washington and paid pregnancy costs or support for child Đã sống ở Washington và chi phí thai kỳ được chi trả hoặc cấp dưỡng cho trẻ	[]	[]
Caused child to live in Washington Khiến cho trẻ phải sống ở Washington	[]	[]
Had sex in Washington that may have produced the child Đã quan hệ tình dục ở Washington có thể đã sinh ra trẻ	[]	[]
Agrees to Washington deciding Đồng ý với quyết định của Washington	[]	[]
None of the above Không có mục nào trên đây	[]	[]

14. Children's Home/s
(Các) Nhà Của Các Trẻ

During the past 5 years have any of the children lived:
Trong 5 năm qua, có bất kỳ trẻ nào đã sống:

- on an Indian reservation,
ở một khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ,
- outside Washington state,
ngoài Tiểu Bang Washington,
- in a foreign country, or
ở nước ngoài, hoặc
- with anyone other than a parent?
với người nào đó không phải là cha/mẹ không?

[] No. (Skip to **15.**)

Không. (Chuyển đến **15.**)

[] Yes. (Fill out below to show where each child has lived during the last 5 years.)

Có. (Điền vào dưới đây để cho biết nơi mỗi trẻ đã sống trong 5 năm qua.)

Dates Số ngày	Children Các trẻ	Lived with Đã sống với	In which state, Indian reservation, or foreign country Ở tiểu bang, khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ hay nước ngoài nào
From: Từ: To: Đến:	☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):	☐ Petitioner/s (Các) Nguyên Đơn ☐ Parent/s (name/s): ((Các) Cha/mẹ ((các) tên): ☐ Other (name): Khác (tên):	
From: Từ: To: Đến:	☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):	☐ Petitioner/s (Các) Nguyên Đơn ☐ Parent/s (name/s): ((Các) Cha/mẹ ((các) tên): ☐ Other (name): Khác (tên):	
From: Từ: To: Đến:	☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):	☐ Petitioner/s (Các) Nguyên Đơn ☐ Parent/s (name/s): ((Các) Cha/mẹ ((các) tên): ☐ Other (name): Khác (tên):	
From: Từ: To: Đến:	☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):	☐ Petitioner/s (Các) Nguyên Đơn ☐ Parent/s (name/s): ((Các) Cha/mẹ ((các) tên): ☐ Other (name): Khác (tên):	
From: Từ: To: Đến:	☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):	☐ Petitioner/s (Các) Nguyên Đơn ☐ Parent/s (name/s): ((Các) Cha/mẹ ((các) tên): ☐ Other (name): Khác (tên):	

15. Other People with a Legal Right to Spend Time with a Child
Những Người Khác Có Quyền Hợp Pháp Dành Thời Gian Cho Trẻ

Do you know of anyone besides you and the parents who has, or claims to have, a legal right to spend time with any of these children?

Quý vị có biết bất kỳ ai ngoài quý vị và cha mẹ có hoặc tuyên bố có quyền hợp pháp dành thời gian cho bất kỳ trẻ nào trong số các trẻ này không?

☐ No.

Không.

☐ Yes. (Name/s) _____ has or claims to have a legal right to spend time with the children because: _____

Có. ((Các) Tên)

có hoặc tuyên bố có quyền

hợp pháp dành thời gian cho các trẻ bởi vì:

16. Other Court Cases Involving a Child

Các Vụ Án Khác Liên Quan Đến Trẻ

Do you know of any other court cases involving any of these children? (Check one):

Quý vị có biết về bất kỳ vụ án nào khác liên quan đến bất kỳ trẻ nào trong số các trẻ này không? (Đánh dấu một mục):

☐ No. (Skip to 17)

Không. (Chuyển đến 17)

☐ Yes. (Fill out below.)

Có. (Điền vào dưới đây.)

Kind of case Loại vụ án (Family Law, Criminal, Protection Order, Juvenile, Dependency, Other) (Luật Gia Đình, Hình Sự, Lệnh Bảo Vệ, Trẻ Vị Thành Niên, Người Phụ Thuộc, Khác)	County and State Quận và Tiểu Bang	Case number and year Vụ án số và năm	Children Các trẻ
			☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):
			☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):
			☐ All children Tất cả các trẻ ☐ (Name/s): ((Các) Tên):

Kind of case <i>Loại vụ án</i> (Family Law, Criminal, Protection Order, Juvenile, Dependency, Other) (Luật Gia Đình, Hình Sự, Lệnh Bảo Vệ, Trẻ Vị Thành Niên, Người Phụ Thuộc, Khác)	County and State <i>Quận và Tiểu Bang</i>	Case number and year <i>Vụ án số và năm</i>	Children <i>Các trẻ</i>
			☐ All children <i>Tất cả các trẻ</i> ☐ (Name/s): <i>((Các Tên):</i>

Warning! If there is a dependency (CPS) case for the children, you must get approval from the dependency court to file this case.

Cảnh Báo! Nếu có vụ án người phụ thuộc (CPS) đối với các trẻ, quý vị phải được tòa án người phụ thuộc chấp thuận để đệ trình vụ án này.

17. Tribal Heritage Di Sản Bộ Lạc

If there is a reason to know that a child has **tribal heritage** (including ancestry or familial political affiliation), the court must treat the child as an Indian child unless and until the affected tribe/s decide otherwise or decline to respond after receiving proper notice.

Nếu có lý do để biết rằng một trẻ thừa hưởng **di sản bộ lạc** (bao gồm tổ tiên hoặc khuynh hướng chính trị gia đình), tòa án phải đối xử với trẻ như một trẻ Da Đỏ trừ khi và cho đến khi (các) bộ lạc bị ảnh hưởng quyết định khác hoặc từ chối phản hồi sau khi nhận được thông báo hợp lệ.

An **Indian child** is a child who is a member of an Indian tribe, or who is the biological child of an Indian tribe member and eligible for membership. You must try to find out if any child in this case is an Indian child. If so, the federal and state Indian Child Welfare Acts will apply to your case.

Trẻ Da Đỏ là trẻ thành viên của một bộ lạc Da Đỏ hoặc là con ruột của một thành viên bộ lạc Da Đỏ và hội đủ điều kiện tư cách thành viên. Quý vị phải cố gắng tìm hiểu xem trong vụ án này có bất kỳ trẻ nào là trẻ Da Đỏ hay không. Nếu vậy, Đạo Luật Trợ Cấp Trẻ Em Người Mỹ Da Đỏ của liên bang và tiểu bang sẽ áp dụng cho vụ án của quý vị.

Could any of the children be Indian children? (Check all that apply):

Có bất kỳ trẻ nào là trẻ Da Đỏ không? (Đánh dấu tất cả mục thích hợp):

☐ **No.** These children are not Indian children (Name/s, or "all"): _____
Không. Các trẻ này không phải là các trẻ Da Đỏ ((Các Tên hoặc "tất cả")):

I know this because (explain if the children have no tribal heritage, or if any possible tribal heritage has already been explored and decided in another court proceeding that complied with ICWA): _____

Tôi biết điều này bởi vì (giải thích nếu các trẻ không thừa hưởng di sản bộ lạc hoặc nếu bất kỳ di sản bộ lạc nào có thể đã được khám phá và quyết định trong một phiên tòa khác tuân thủ theo ICWA): _____

- ☐ **Yes or Maybe.** These children are or may be Indian children. They have or may have heritage from the tribe/s listed below:
Có hoặc Có thể. Các trẻ này là hoặc có thể là các trẻ Da Đỏ. Các trẻ thừa hưởng hoặc có thể thừa hưởng di sản từ (các) bộ lạc được liệt kê dưới đây:

Children Các trẻ	Tribe Bộ lạc
☐ All children Tất cả các trẻ	
☐ (Name/s): ((Các) Tên):	
☐ All children Tất cả các trẻ	
☐ (Name/s): ((Các) Tên):	

I will provide the *Indian Child Welfare Act Notice* (form GDN M 401) and a copy of this *Petition* to the tribe/s named above and other necessary people or agencies.
 Tôi sẽ cung cấp Thông Báo Về Đạo Luật Trại Cấp Trẻ Em Người Mỹ Da Đỏ (mẫu đơn GDN M 401) và một bản sao Đơn Xin này cho (các) bộ lạc có tên trên đây và những người hoặc cơ quan cần thiết khác.

- ☐ **I do not know** if any of the children are Indian children or have tribal heritage. I have done the following things to try to find out:
Tôi không biết xem bất kỳ trẻ nào trong số các trẻ có là các trẻ Da Đỏ hoặc thừa hưởng di sản bộ lạc hay không. Tôi đã thực hiện những điều sau đây để cố gắng tìm hiểu:

18. Jurisdiction Over Indian Children Thẩm Quyền Đối Với Các Trẻ Da Đỏ

- ☐ Does not apply. None of the children are Indian children.
 Không áp dụng. Không có các trẻ nào là các trẻ Da Đỏ.
- ☐ A state court can decide this case for the Indian children because:
 Một tòa án tiểu bang có thể quyết định vụ án này dành cho các trẻ Da Đỏ bởi vì:
- ☐ (Children's names): _____ are **not** domiciled or living on an Indian reservation, and are not wards of a tribal court. (25 U.S.C. § 1911)

(Tên các trẻ):

không có nơi ở hoặc sống tại một khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ và không phải là người được tòa án bộ lạc bảo hộ. (25 U.S.C. § 1911)

[] (Children's names): _____ are domiciled or living on an Indian reservation, and (check all that apply):

(Tên các trẻ):

có nơi ở hoặc sống tại một khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ và (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

[] The children's tribe agrees to Washington State's concurrent jurisdiction. Bộ lạc của các trẻ đồng ý với thẩm quyền đồng thời của Tiểu Bang Washington.

[] The children's tribe decided not to use its exclusive jurisdiction (expressly declined). (RCW 13.38.060) Bộ lạc của các trẻ đã quyết định không sử dụng thẩm quyền riêng biệt của mình (đã từ chối một cách rõ ràng). (RCW 13.38.060)

[] Washington State should claim emergency jurisdiction for Indian children temporarily located off the reservation to protect the children from immediate physical damage or harm. (RCW 13.38.140) Tiểu Bang Washington nên tuyên bố thẩm quyền khẩn cấp đối với các trẻ Da Đỏ tạm thời ở ngoài khu dành riêng để bảo vệ các trẻ khỏi bị tổn hại hoặc thương tổn về thể chất ngay lập tức. (RCW 13.38.140)

19. Jurisdiction Over the Children (RCW 26.27.201 – .221, .231, .261, .271)
Thẩm Quyền Đối Với Các Trẻ (RCW 26.27.201 – .221, .231, .261, .271)

This Court can decide this case for the children because (check all that apply; if a box applies to all of the children, you may write "the children" instead of listing names):
Tòa Án này có thể quyết định vụ án này cho các trẻ bởi vì (đánh dấu tất cả mục thích hợp; nếu một mục áp dụng cho tất cả các trẻ, quý vị có thể ghi "các trẻ" thay vì liệt kê tên):

[] **Exclusive, continuing jurisdiction** – A Washington court has already made a custody order or parenting plan for the children, and the court still has authority to make other orders for (children's names): _____

Thẩm quyền riêng biệt, liên tục – Một tòa án ở Washington đã ban hành lệnh nuôi con hoặc kế hoạch nuôi dưỡng con cho các trẻ và tòa án vẫn có thẩm quyền đưa ra các lệnh khác đối với (tên các trẻ):

[] **Home state jurisdiction** – Washington is the children's home state because (check all that apply):

Thẩm quyền của tiểu bang cư trú – Washington là tiểu bang cư trú của các trẻ bởi vì (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

[] (Children's names): _____ lived in Washington with a parent or someone acting as a parent for at least the 6 months just before this case was filed, or if the children are less than 6 months old, they have lived in Washington with a parent, or someone acting as a parent, since birth.
(Tên các trẻ): _____ đã sống ở Washington với cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ trong ít nhất 6 tháng ngay trước khi vụ án này được đệ trình hoặc, nếu các trẻ dưới 6 tháng tuổi, chúng đã

sống ở Washington với cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ kể từ khi sinh ra.

- [] There were times the children were not in Washington in the 6 months just before this case was filed (or since birth if they are less than 6 months old), but those were temporary absences.

Có những lúc các trẻ không có mặt ở Washington trong 6 tháng ngay trước khi vụ án này được đệ trình (hoặc kể từ khi sinh ra nếu chúng dưới 6 tháng tuổi), nhưng đó chỉ là những lúc vắng mặt tạm thời.

- [] (Children's names): _____ do not live in Washington right now, but Washington was the children's home state sometime in the 6 months just before this case was filed, and a parent, or someone acting as a parent of the children, still lives in Washington.

(Tên các trẻ): _____ ngay bây giờ không sống ở Washington, nhưng Washington là tiểu bang cư trú của các trẻ vào khoảng 6 tháng ngay trước khi vụ án này được đệ trình và cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ của các trẻ vẫn sống ở Washington.

- [] (Children's names): _____ do not have another home state.

(Tên các trẻ): _____ không có một tiểu bang cư trú khác.

- [] **No home state or home state declined** – No court of any other state (or tribe) has the jurisdiction to make decisions for (children's names) _____
Không có tiểu bang cư trú hoặc tiểu bang cư trú đã từ chối – Không có tòa án của bất kỳ tiểu bang (hoặc bộ lạc) nào khác có thẩm quyền đưa ra quyết định đối với (tên các trẻ)

_____ or a court in the children's home state (or tribe) decided it is better to have this case in Washington **and**:

hoặc tòa án ở tiểu bang cư trú (hoặc bộ lạc) của các trẻ đã quyết định tốt hơn là nên đưa vụ án này ở Washington và:

- The children and a parent, or someone acting as a parent, have ties to Washington beyond just living here; **and**
Các trẻ và cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ có mối quan hệ với Washington ngoài việc chỉ sống ở đây; và
- There is a lot of information (substantial evidence) about the children's care, protection, education, and relationships in this state.
Có rất nhiều thông tin (bằng chứng đáng kể) về việc chăm sóc, bảo vệ, giáo dục và các mối quan hệ của các trẻ ở tiểu bang này.

- [] **Other state declined** – The courts in other states (or tribes) that might be (children's names) _____'s home state have refused to take this case because it is better to have this case in Washington.
Tiểu bang khác đã từ chối – Tòa án của các tiểu bang khác (hoặc các bộ lạc) có thể là (tên các trẻ): _____ tiểu bang cư trú của các trẻ đã từ chối thụ lý vụ án này bởi vì việc để vụ án này ở Washington là điều tốt hơn.

- [] **Temporary emergency jurisdiction** – The court can make decisions for (children's names) _____ because the children are in this state now **and** were abandoned here **or** need emergency

protection because the children (or the children's parent or siblings) were abused or threatened with abuse. (Check one):

Thẩm quyền khẩn cấp tạm thời – Tòa án có thể đưa ra quyết định đối với (tên các trẻ): _____ bởi vì các trẻ hiện đang ở tiểu bang này và đã bị bỏ rơi ở đây hoặc cần được bảo vệ khẩn cấp bởi vì các trẻ (hoặc cha/mẹ, anh chị em ruột của các trẻ) đã bị ngược đãi hoặc bị đe dọa ngược đãi. (Đánh dấu một mục):

[] A custody case involving the children was filed in the children's home state of (name of state or tribe) _____. Washington should take temporary emergency jurisdiction over the children until the Petitioner can get a court order from the children's home state (or tribe).
Vụ án nuôi con liên quan đến các trẻ đã được đệ trình ở tiểu bang cư trú của các trẻ (tên tiểu bang hoặc bộ lạc) _____. Washington nên thực hiện thẩm quyền khẩn cấp tạm thời đối với các trẻ cho đến khi Nguyên Đơn có thể nhận được lệnh tòa từ tiểu bang cư trú (hoặc bộ lạc) của các trẻ.

[] There is **no** valid custody order or open custody case in the children's home state of (name of state or tribe) _____. If no case is filed in the children's home state (or tribe) by the time the children have been in Washington for 6 months, (date): _____, Washington should have final jurisdiction over the children.

Không có lệnh nuôi con hợp lệ hoặc vụ án nuôi con mở tại tiểu bang cư trú của các trẻ (tên bang hoặc bộ lạc): _____. Nếu không có vụ án nào được đệ trình ở tiểu bang cư trú (hoặc bộ lạc) của các trẻ vào thời điểm các trẻ đã ở Washington được 6 tháng, (ngày): _____, Washington nên có thẩm quyền cuối cùng đối với các trẻ.

[] Other reason (specify): _____
Lý do khác (nêu rõ): _____

➤ **Requests**
Yêu Cầu

20. Parents' Visitation
Sự Thăm Nom Của Cha Mẹ

Important! If you are asking for limited or no visitation, you must explain why in the Residential Schedule (form GDN M 408) or Reasons for Minor Guardianship (form GDN M 103).

Quan Trọng! Nếu quý vị đang yêu cầu hạn chế hoặc không thăm nom, quý vị phải giải thích lý do vì sao trong Lịch Trình Cư Trú (mẫu đơn GDN M 408) hoặc Lý Do Về Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên (mẫu đơn GDN M 103).

I ask the court to order the following contact or visitation between the parents and children:

Tôi yêu cầu tòa án ra lệnh tiếp xúc hoặc thăm nom sau đây giữa cha mẹ và các trẻ:

[] I ask to court to approve my proposed visitation:

Tôi yêu cầu tòa án chấp thuận việc thăm nom được đề xuất của tôi:

- [] I ask the court to approve my proposed *Residential Schedule*. This schedule may include reasons for limiting one or both parents' visitation. I am filing and serving my proposed *Residential Schedule* with this *Petition*.
 Tôi yêu cầu tòa án chấp thuận *Lịch Trình Cư Trú* được đề xuất của tôi. *Lịch trình* này có thể bao gồm các lý do hạn chế việc thăm nom của cha/mẹ hoặc cả cha mẹ. Tôi sẽ nộp và tổng đặt *Lịch Trình Cư Trú* được đề xuất của tôi cùng với Đơn Xin này.
- [] I ask the court to give **no visitation** to either parent because the limiting factors from RCW 26.09.191 apply and are severe enough to justify no visitation.
 Tôi yêu cầu tòa án đưa ra **việc không thăm nom** đối với cha/mẹ bởi vì các yếu tố hạn chế từ RCW 26.09.191 được áp dụng và đủ nghiêm trọng để biện minh cho việc không thăm nom.

21. Decision-making Authority
Thẩm Quyền ra quyết định

I ask the court to make the following orders about who has the right to make decisions for the children (*check all that apply*):
 Tôi yêu cầu tòa án đưa ra những lệnh sau đây về việc ai có quyền ra quyết định cho các trẻ (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

Type of Major Decision <i>Loại Quyết Định Quan Trọng</i>	Guardian Decides <i>Người Giám Hộ Quyết Định</i>	Parent/s Decide <i>(write one parent's name or "both") Cha/Mẹ (Cha Mẹ) Quyết Định (ghi tên cha/mẹ hoặc "cả hai")</i>
School/educational <i>Trường học/giáo dục</i>	[]	[]
Healthcare (not emergency) <i>Chăm sóc sức khỏe (không khẩn cấp)</i>	[]	[]
Authority to apply for passport and travel internationally <i>Thẩm quyền nộp đơn xin hộ chiếu và di chuyển quốc tế</i>	[]	[]
Driver's license or state I.D. <i>Bằng lái xe hoặc I.D. tiểu bang</i>	[]	[]
Other: <i>Khác:</i>	[]	[]
Other: <i>Khác:</i>	[]	[]

22. Access to Records
Tiếp Cận Hồ Sơ

I ask the court to make the following orders about who has the right to access these types of records for the children (*check all that apply*):
 Tôi yêu cầu tòa án đưa ra những lệnh sau đây về việc ai có quyền tiếp cận các loại hồ sơ này của các trẻ (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

Type of Record <i>Loại Hồ Sơ</i>	Guardian Can Access	Parent/s Can Access <i>(write one parent's name or "both")</i>
-------------------------------------	---------------------	---

	Người Giám Hộ Có Thể Tiếp Cận	Cha/Mẹ (Cha Mẹ) Có Thể Tiếp Cận (ghi tên cha/mẹ hoặc “cả hai”)
School/educational <i>Trường học/giáo dục</i>	[]	[]
Healthcare <i>Chăm sóc sức khỏe</i>	[]	[]
Other: <i>Khác:</i>	[]	[]
Other: <i>Khác:</i>	[]	[]
Other: <i>Khác:</i>	[]	[]

23. Support, Insurance, and Taxes
Cấp Dưỡng, Bảo Hiểm và Thuế

The children have a right to child support (including medical support) from the legal parents, according to state law.

Các trẻ có quyền nhận cấp dưỡng con (bao gồm cấp dưỡng y tế) từ cha mẹ hợp pháp, căn cứ theo luật tiểu bang.

Support – I ask the court to order the parents to *(check all that apply)*:

Cấp Dưỡng – Tôi yêu cầu tòa án ra lệnh cho cha mẹ (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- ☐ pay child support according to the *Child Support Schedule Worksheets*.
chi trả cấp dưỡng con căn cứ theo Bảng Tính Lịch Trình Cấp Dưỡng Con.
- ☐ provide and keep health insurance for the children.
cung cấp và duy trì bảo hiểm y tế cho các trẻ.
- ☐ pay children's daycare, uninsured medical, or other expenses.
chi trả chăm sóc ban ngày, y tế không có bảo hiểm hoặc các chi phí khác của các trẻ.
- ☐ no request.
không yêu cầu.

Tax Issues – I ask the court to order:

Vấn Đề Thuế – Tôi yêu cầu tòa án ra lệnh:

- ☐ the guardian has the right to claim the children as dependents for purposes of personal tax exemptions and associated tax credits on their tax forms.
người giám hộ có quyền kê khai các trẻ là người phụ thuộc vì mục đích miễn thuế cá nhân và các tín thuế liên quan trong tờ khai thuế của họ.
- ☐ (other): _____
(khác): _____

24. Children's Property
Tài Sản Của Các Trẻ

As far as I know, the children have the following property, other than their clothing and other personal items (personal effects) and documents:

Theo tôi biết, ngoài quần áo và các vật dụng cá nhân khác (đồ dùng cá nhân) và giấy tờ, các em có các tài sản sau đây:

[] None
Không

[] (Give a general statement of the children's property with an estimate of its value.
Examples: disability or insurance benefits, trust account, money from a lawsuit,
public assistance, TANF, child support)
(Cung cấp báo cáo chung về tài sản của các trẻ kèm theo ước tính giá trị của tài sản
đó. Ví dụ: phúc lợi cho người khuyết tật hoặc quyền lợi bảo hiểm, tài khoản ủy thác,
tiền từ vụ kiện, trợ cấp công cộng, TANF, cấp dưỡng con)

25. Protection Order Lệnh Bảo Vệ

Do you want the court to issue an Order for Protection?
Quý vị có muốn tòa án ban hành Lệnh Bảo Vệ không?

[] **No.** I do not want an Order for Protection.
Không. Tôi không muốn có Lệnh Bảo Vệ.

[] **Yes.** (You must file a Petition for Protection Order, form P 001. You must file your
Petition for Protection Order as a **separate case**. Ask the court clerk to relate (link)
the protection order case together with this guardianship case.)
Có. (Quý vị phải nộp Đơn Xin Lệnh Bảo Vệ, mẫu đơn P 001. Quý vị phải nộp Đơn
Xin Lệnh Bảo Vệ của mình như là một **hồ sơ riêng**. Yêu cầu lục sự tòa án liên hệ
(liên kết) vụ án lệnh bảo vệ với vụ án giám hộ này.)

Important! If you need protection **now**, ask the court clerk about getting a Temporary Protection Order.
Quan Trọng! Nếu quý vị cần được bảo vệ **ngay bây giờ**, hãy yêu cầu lục sự tòa án về việc xin Lệnh Bảo
Vệ Tạm Thời.

[] **There already is a Protection Order between (name): _____**
and me.
Đã có một Lệnh Bảo Vệ giữa (tên): _____
và tôi.

Court that issued the order: _____
Tòa án đã ban hành lệnh: _____

Case number: _____
Vụ án số: _____

Expiration date: _____
Ngày hết hạn: _____

26. Fees and Costs Phí và Chi Phí

Filing Fee – In some situations the court will **not** charge a fee for filing this case.

Phí Nộp Đơn – Trong một số tình huống, tòa án sẽ **không** tính phí nộp đơn vụ án này.

- When the proposed guardian is a relative, the fee is waived automatically.
Khi người giám hộ được đề xuất là họ hàng, khoản phí này sẽ tự động được miễn.
- When the Petitioner (including a child as Petitioner) is low income, the Petitioner may use forms
GR 34.0100, 34.0300, and 34.0500 to ask the court to waive the fee.

Khi Nguyên Đơn (bao gồm trẻ là Nguyên Đơn) có thu nhập thấp, Nguyên Đơn có thể sử dụng các mẫu đơn GR 34.0100, 34.0300 và 34.0500 để yêu cầu tòa án miễn khoản phí này.

- ☐ No request.
Không yêu cầu.
- ☐ No fee shall be charged because the proposed guardian is a relative of the children, **not** a professional guardian.
*Không tính phí vì người giám hộ được đề xuất là họ hàng của các trẻ, **không** phải là người giám hộ chuyên nghiệp.*
- ☐ Order who should pay for court costs, Guardian ad Litem fees, Court Visitor fees, lawyer fees, and other reasonable fees.
Ra lệnh ai phải trả án phí, phí Người Giám Hộ Tạm Thời, phí Người Bảo Hộ Đặc Biệt, phí luật sư và các khoản phí hợp lý khác.

**27. Name Successor Guardian:
Nêu Tên Người Giám Hộ Kế Nhiệm:**

- ☐ No request
Không yêu cầu
- ☐ (Name): _____
should be the Successor Guardian if the following event occurs (*list the designated event*): _____
(Tên): _____
phải là Người Giám Hộ Kế Nhiệm nếu sự kiện sau đây xảy ra (liệt kê sự kiện được chỉ định):

**28. Other Requests, If Any:
Các Yêu Cầu Khác, Nếu Có:**

**Petitioner fills out below:
Nguyên Đơn điền vào dưới đây:**

I declare, under penalty of perjury under the laws of the State of Washington, that the facts I have provided on this form (including any attachments) are true.
Tôi cam đoan dưới hình phạt khai man theo luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng các thông tin tôi đã cung cấp trong mẫu đơn này (bao gồm bất kỳ đính kèm nào) đều đúng sự thật.

- ☐ I have attached (#): _____ pages.
Tôi đã đính kèm (#): _____ trang.

Signed at (city and state): _____ Date: _____
Đã ký tại (thành phố và tiểu bang): _____ Ngày: _____

► _____
Petitioner signs here *Print name*
Nguyên Đơn ký ở đây *Tên viết in*

My contact information is:

Thông tin liên hệ của tôi là:

Email: _____
Email: _____

Phone (Optional): _____
Điện Thoại (Không bắt buộc): _____

Co-Petitioner (if any) fills out below:

Đồng Nguyên Đơn (nếu có) điền vào dưới đây:

I declare, under penalty of perjury under the laws of the State of Washington, that the facts I have provided on this form are true.

Tôi cam đoan dưới hình phạt khai man theo luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng các thông tin tôi đã cung cấp trong mẫu đơn này đều đúng sự thật.

Signed at (city and state): _____
Đã ký tại (thành phố và tiểu bang): _____

Date: _____
Ngày: _____



Other Petitioner signs here
Nguyên Đơn Còn Lại ký ở đây

Print name
Tên viết in

My contact information is:
Thông tin liên hệ của tôi là:

Email: _____
Email: _____

Phone (Optional): _____
Điện Thoại (Không bắt buộc): _____

Petitioner's lawyer (if any) fills out below:

Luật sư của Nguyên Đơn (nếu có) điền vào dưới đây:



Petitioner's lawyer signs here
Luật sư của Nguyên Đơn ký ở đây

Print name and WSBA No.
Tên viết in và WSBA Số

Date
Ngày

[] **A parent fills out below if they agree to join this Petition:** (Also fill out and file Parent's Consent to Minor Guardianship, GDN M 304)

Cha/mẹ điền vào dưới đây nếu họ đồng ý tham gia Đơn Xin này: (Cũng điền vào và nộp mẫu đơn Đồng Ý Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên Của Cha/Mẹ (mẫu đơn GDN M 304)

I, (name): _____, agree to join this *Petition*. I understand that if I fill out and sign below, the court may approve the requests listed in this *Petition* unless I file and serve a *Response* before the court signs final orders. (Check one):

Tôi, (tên): _____, đồng ý tham gia Đơn Xin này. Tôi hiểu rằng nếu tôi điền vào và ký tên dưới đây, tòa án có thể chấp thuận các yêu cầu được liệt kê trong Đơn Xin này trừ khi tôi nộp và tổng đạt Phản Hồi trước khi tòa án ký các lệnh cuối cùng. (Đánh dấu một mục):

[] I do not need to be notified about the court's hearings or decisions in this case.
Tôi không cần được thông báo về các phiên xét xử hoặc quyết định của tòa án trong vụ án này.

[] I ask the Petitioner to notify me about any hearings in this case. (List an address where you agree to accept legal documents. This may be a lawyer's address or any other address.)

Tôi yêu cầu Nguyên Đơn thông báo cho tôi biết về bất kỳ phiên xét xử nào trong vụ án này. (Liệt kê một địa chỉ nơi quý vị đồng ý nhận các văn kiện pháp lý. Địa chỉ này có thể là địa chỉ của một luật sư hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác.)

Address Địa Chỉ	City Thành Phố	State Tiểu Bang	Zip Mã Vùng
--------------------	-------------------	--------------------	----------------

Email: _____
Email: _____

Parent signs here Cha/mẹ ký ở đây	Print name Tên viết in	Date Ngày
--------------------------------------	---------------------------	--------------

[] **A parent fills out below if they agree to join this Petition:** (Also fill out and file Parent's Consent to Minor Guardianship, GDN M 304)

Cha/mẹ điền vào dưới đây nếu họ đồng ý tham gia Đơn Xin này: (Cũng điền vào và nộp mẫu đơn Đồng Ý Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên Của Cha/Mẹ (mẫu đơn GDN M 304)

I, (name): _____, agree to join this *Petition*. I understand that if I fill out and sign below, the court may approve the requests listed in this *Petition* unless I file and serve a *Response* before the court signs final orders. (Check one):

Tôi, (tên): _____, đồng ý tham gia Đơn Xin này. Tôi hiểu rằng nếu tôi điền vào và ký tên dưới đây, tòa án có thể chấp thuận các yêu cầu được liệt kê trong Đơn Xin này trừ khi tôi nộp và tổng đạt Phản Hồi trước khi tòa án ký các lệnh cuối cùng. (Đánh dấu một mục):

[] I do not need to be notified about the court's hearings or decisions in this case.
Tôi không cần được thông báo về các phiên xét xử hoặc quyết định của tòa án trong vụ án này.

[] I ask the Petitioner to notify me about any hearings in this case. (List an address where you agree to accept legal documents. This may be a lawyer's address or any other address.)

Tôi yêu cầu Nguyên Đơn thông báo cho tôi biết về bất kỳ phiên xét xử nào trong vụ án này. (Liệt kê một địa chỉ nơi quý vị đồng ý nhận các văn kiện pháp lý. Địa chỉ này có thể là địa chỉ của một luật sư hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác.)

Address Địa Chỉ	City Thành Phố	State Tiểu Bang	Zip Mã Vùng
--------------------	-------------------	--------------------	----------------

Email: _____
Email: _____

Parent signs here Cha/mẹ ký ở đây	Print name Tên viết in	Date Ngày
--------------------------------------	---------------------------	--------------